

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 295/2018/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 11 năm 2018

V/v: Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Năm**

2. Ông **Huỳnh Minh Giới**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Chí Công** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 657/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp: *Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 442/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị M**, sinh năm 1982.

Trú tại: Khóm 5, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Trường A**, sinh năm 1983.

Trú tại: Khóm 4, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau

(Nguyên đơn và bị đơn đều mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị **Trần Thị M** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trường A chung sống với nhau từ năm 2015, hôn nhân tự nguyện, nhưng chị và anh A không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian về sau vợ chồng thường hay cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, do anh A có hành vi đánh đập chị rất nhiều lần. Nay, chị nhận thấy cuộc sống của vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn lại được nữa, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh A.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/10/2016. Hiện cháu đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp nuôi dạy cháu, yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ: Chị xác định không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Trường A trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Trường A thống nhất với lời trình bày của chị M. Anh và chị M chung sống với nhau từ năm 2015, hôn nhân tự nguyện và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, chị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh thống nhất và đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh Nguyễn Trường A thống nhất với lời trình bày của chị M. Anh đồng ý giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/10/2016 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị M.

Về tài sản chung: Anh A xác định, có 01 căn nhà cấp 04 ngang 5 mét, dài 23 mét tại khóm 5, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau, giá trị 400.000.000 đồng, nhưng anh A không có yêu cầu chia mà đồng ý giao lại cho chị M sử dụng. Anh A yêu cầu chị M phải hoàn lại số tiền 50.000.000 đồng, do trước đây anh A góp cho chị M để cất nhà.

Về nợ: Anh Nguyễn Trường A thống nhất với lời trình bày của chị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn anh Nguyễn Trường A có nơi trú tại khóm 4, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; về quan hệ pháp luật tranh chấp là: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Đơn xác nhận ngày 18/9/2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau thì chị M và anh A không có đăng ký kết hôn. Đồng thời, chị M và anh A xác định anh chị chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay không có đăng ký kết hôn. Mặc dù, anh chị có đủ điều kiện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, nên hôn nhân giữa chị M và anh A không thỏa mãn về mặt hình thức, không được công nhận là vợ chồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

[3] *Về con chung:* Giữa chị M và anh A có 01 người con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/10/2016. Hiện cháu đang sống chung với chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được tiếp nuôi dạy cháu, yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Đối với anh A, đồng ý giao con chung cho chị M nuôi dưỡng nhưng không đồng ý cấp dưỡng.

Xét, con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/11/2018 thì cháu Bảo chưa đủ 36 tháng; hiện cháu đang sống chung và gần gũi với chị M, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Đối với anh A cũng

đồng ý giao cháu Bảo cho chị M nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị M và anh A, tiếp tục giao cháu Bảo cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh A không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về cấp dưỡng*: Tại Tòa, chị M yêu cầu anh A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Đối với anh A thì không đồng ý cấp dưỡng. Xét, theo quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con*", do đó buộc anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Bảo là phù hợp với quy định pháp luật. Về mức cấp dưỡng, theo quy định tại Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại khoản 2, mục III của Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức cấp dưỡng tối thiểu không dưới 1/2 mức lương cơ sở do nhà nước quy định tại thời điểm xét xử đối với 01 người con, mức lương cơ sở hiện nay là 1.390.000 đồng, do đó buộc anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Bảo số tiền 695.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi là phù hợp. Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 19/11/2018.

[5] *Về tài sản chung*: Chị M xác định không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng anh A, có yêu cầu vào ngày 22/10/2018. Tuy nhiên, yêu cầu này của anh A không được chấp nhận theo khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bởi yêu cầu phản tố của anh A yêu cầu sau khi Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Hội đồng xét xử tách phần về tài sản chung, anh A và chị M tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác là phù hợp.

[6] *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, anh A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 200; Điều 235; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị M và anh Nguyễn Trường A là vợ chồng.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/10/2016 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh A không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Trường A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/10/2016 số tiền 695.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 19/11/2018.

Về tài sản chung: Giữa anh Nguyễn Trường A và chị Trần Thị M tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

Về nợ chung: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Trường A xác định không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị M đã dự nộp trước 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008697 ngày 19/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí; anh Nguyễn Trường A phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thành Quang